

**TÒA ÁN QUÂN SỰ
KHU VỰC - QUÂN KHU 1**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2021/HS-ST
Ngày 02/02/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN QUÂN SỰ KHU VỰC - QUÂN KHU 1

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: 4/ Nguyễn Trung Kiên.

Các Hội thẩm quân nhân:

2// Nguyễn Quốc Đoàn;

1// Bùi Duy Mạnh.

Thư ký phiên tòa: 3/ Phan Văn Vui, Thư ký Tòa án quân sự Khu vực - Quân khu 1.

Đại diện Viện kiểm sát quân sự Khu vực 13 tham gia phiên tòa: 1// Nguyễn Anh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021 tại Phòng xử án, Tòa án quân sự Khu vực - Quân khu 1 xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 06/2020/TLST-HS ngày 16 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2021/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo: **Phạm Khánh H**; tên gọi khác: Không; sinh ngày 07/12/1982; giới tính: Nam; nơi sinh và nơi cư trú: Đường B, phường C, thành phố L, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Nhân viên kinh doanh; đơn vị công tác: P, Chi nhánh Tập đoàn công nghiệp viễn thông Q; quốc tịch: Việt Nam; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Phạm Quốc H, sinh năm 1958 và bà Đinh Thị G, sinh năm 1964; có vợ là Hoàng Ánh N, sinh năm 1986; có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, xử lý hành chính hay xử lý kỷ luật; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 11/9/2020 đến nay, hiện nay đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

Bị hại: Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; địa chỉ: Xã M, huyện V, tỉnh Lạng Sơn; người đại diện theo pháp luật: Trần Anh D; chức vụ: C.

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại: Hoàng Thế A; sinh ngày: 12/10/1979; chức vụ: Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Lạng Sơn được Ông Trần Anh D ủy quyền tham gia phiên tòa; có mặt.

Người làm chứng:

1. Hoàng Văn Đ; có mặt.

2. Nông Kim T; có mặt.

3. Ngô Thượng K; có mặt.
4. Liễu Thị L; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 6 năm 2019, Phạm Khánh H là nhân viên hợp đồng không xác định thời hạn của P được phân công nhiệm vụ hỗ trợ kỹ thuật cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Lạng Sơn thực hiện chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức qua tài khoản ViettelPay theo hợp đồng cung cấp dịch vụ đã được ký kết. Theo quy định mỗi cá nhân cần có chứng minh nhân dân hoặc thẻ căn cước để làm thủ tục đăng ký mở tài khoản ViettelPay, đối với Ủy ban nhân dân xã M sẽ mở tài khoản tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội do ông Hoàng Văn Đ khi đó là Chủ tịch làm chủ tài khoản, tài khoản này được liên kết với phần mềm chi hộ lương do P cung cấp, phần mềm này cung cấp một tài khoản đăng nhập cho bà Nông Kim T là công chức kế toán để nhập danh sách bảng lương và một tài khoản đăng nhập cho ông Hoàng Văn Đ để kiểm tra phê duyệt. Để thực hiện việc phê duyệt hệ thống sẽ yêu cầu nhập mã OTP gửi về số điện thoại đã đăng ký của ông Đ để duyệt chi lương. Do kỹ năng sử dụng phần mềm còn hạn chế và đang đi học nên ông Đ cung cấp tài khoản, mật khẩu để bà T thực hiện việc duyệt chi lương thay mình, đồng thời làm thủ tục chuyển đổi số điện thoại nhận mã OPT sang số điện thoại của bà T. Trong quá trình thực hiện, do chưa thông thạo việc chi lương qua tài khoản nên bà T cung cấp tài khoản, mật khẩu của mình và của ông Đ để nhờ Phạm Khánh H thực hiện việc duyệt chi giúp. Do muốn chiếm đoạt tiền từ tài khoản của Ủy ban nhân dân xã M nên tháng 9/2019, Phạm Khánh H sử dụng máy tính có kết nối mạng internet của P đăng nhập vào hệ thống quản lý khách hàng tải ảnh dùng phần mềm sửa lại số chứng minh nhân dân của Nông Kim T làm giả hồ sơ rồi nhờ người khác ký tên, sau đó tự mình phê duyệt, tải lên hệ thống, sau đó dùng điện thoại di động đổi mật khẩu mở tài khoản ViettelPay gắn với số điện thoại 0345837xxx do H sử dụng. Đến kỳ trả lương tháng 10 và tháng 11 năm 2019, Phạm Khánh H tự ý thêm số tài khoản đã lập vào danh sách trả lương, sử dụng tên đăng nhập, mật khẩu, mã OTP do bà T cung cấp đăng nhập vào hệ thống chi hộ lương thông qua dịch vụ ViettelPay rồi thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền trong tài khoản số 051104435xxx tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần quân đội của Ủy ban nhân dân xã M 02 lần, cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 09/10/2019, Phạm Khánh H chuyển số tiền 19.548.000 đồng từ tài khoản tại ngân hàng của Ủy ban nhân dân xã M vào số tài khoản ViettelPay mang tên Nông Kim T do H làm giả tương ứng với số điện thoại 0345837xxx, sau đó thông qua tài khoản thanh toán trung gian chuyển tiền đến số tài khoản ViettelPay của Phạm Khánh H tương ứng với số điện thoại 0982.422.xxx.

Lần 2: Ngày 03/11/2019, Phạm Khánh H chuyển số tiền 19.755.825 đồng từ tài khoản tại ngân hàng của Ủy ban nhân dân xã M vào số tài khoản

ViettelPay mang tên Nông Kim T do H làm giả, sau đó chuyển tiếp sang số tài khoản mang tên Liễu Thị L cũng do H làm giả với cách thức tương tự như lần trước tương ứng với số điện thoại 0822682xxx do H sử dụng, rồi chuyển đến tài khoản ViettelPay của Phạm Khánh H tương ứng với số điện thoại 0982.422.xxx.

Tổng số tiền Phạm Khánh H đã chiếm đoạt là 39.303.825 đồng, số tiền có được bị cáo chi tiêu cá nhân hết. Ngày 05/8/2020, sau khi sự việc bị phát hiện Phạm Khánh H đã tự nguyện nộp lại số tiền 39.303.825 đồng vào tài khoản tại ngân hàng của Ủy ban nhân dân xã M.

Trong quá trình điều tra đối với máy tính bị cáo dùng để làm giả hồ sơ đăng ký sử dụng dịch vụ ViettelPay và thực hiện các hành vi khác để chiếm đoạt tài sản, do xác định đây là tài sản của P giao cho bị cáo thực hiện nhiệm vụ, khi bị cáo dùng vào việc phạm tội P không biết và trong máy tính có chứa nhiều dữ liệu quan trọng nên không tiến hành thu giữ.

Đối với điện thoại bị cáo sử dụng vào việc chiếm đoạt tài sản, do sau khi sử dụng điện thoại bị hỏng nên bị cáo đã bỏ đi và đối với các hồ sơ bị cáo làm giả để đăng ký mở tài khoản ViettelPay Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Tại phiên tòa, bị cáo Phạm Khánh H khai: Sau khi được chị T cung cấp tài khoản, mật khẩu đăng nhập để giúp duyệt chi lương. Do thấy chị Tiên thiếu sót trong việc kiểm tra, soát xét nên nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền. Để lấy tiền bị cáo sử dụng máy tính có kết nối mạng internet của P lên hệ thống kiểm tra thông tin của chị T bằng user Huypk2-LSN bị cáo được cấp, chỉnh sửa số chứng minh nhân dân từ 080973xxx thành số 080973xxx rồi in ảnh ra giấy, nhờ một người là cộng tác viên nhưng bị cáo không nhớ cụ thể là ai ký tên làm hồ sơ giả đăng ký mở tài khoản ViettelPay mang tên chị T gắn với số điện thoại 0345837xxx do bị cáo mua rồi tự mình phê duyệt, đóng dấu tải lên hệ thống tạo lập tài khoản, sau đó dùng điện thoại đổi mật khẩu để sử dụng. Ngày 09/10/2019 sau khi chị T gửi bản mềm danh sách bảng lương, phụ cấp của cán bộ, nhân viên bị cáo đã tự thêm số tài khoản giả đã tạo được vào danh sách rồi dùng thông tin đăng nhập, mã OTP do chị T cung cấp chuyển số tiền 19.548.000 đồng từ tài khoản ngân hàng của Ủy ban nhân dân xã M vào tài khoản ViettelPay đăng ký số điện thoại 0345837xxx, từ tài khoản này chuyển tiền đến tài khoản số 0982.422.xxx của bị cáo. Ngày 03/11/2019 cũng bằng cách trên, bị cáo tạo lập một tài khoản giả khác mang tên Liễu Thị L đăng ký số điện thoại 0822682xxx do bị cáo dùng, sau đó chuyển số tiền 19.755.825 đồng từ tài khoản ngân hàng của Ủy ban nhân dân xã M sang số tài khoản ViettelPay mang tên Nông Kim T mà bị cáo làm giả, từ tài khoản này tiếp tục chuyển số tiền trên sang tài khoản ViettelPay mang tên Liễu Thị L, sau đó chuyển tiền vào tài khoản ViettelPay của bị cáo. Toàn bộ số tiền lấy được bị cáo đã chi tiêu hết. Sau khi đoàn thanh tra phát hiện ra sự việc, ngày 05/8/2020 bị cáo đã nộp trả lại số tiền 39.303.825 đồng vào tài khoản ngân hàng của Ủy ban nhân dân xã M. Chiếc điện thoại bị cáo dùng để đăng ký tài khoản ViettelPay giả và dùng để chuyển tiền do sau đó bị hỏng nên đã bỏ đi.

Tại phiên tòa Đại diện theo ủy quyền của bị hại Ủy ban nhân dân xã M khai: Ủy ban nhân dân xã M ký hợp đồng với P để chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức qua tài khoản ViettelPay. Trong quá trình thực hiện, lợi dụng

sự tin tưởng của bà Nông Kim T là công chức kế toán và ông Hoàng Văn Đ khi đó là chủ tịch xã, Phạm Khánh H đã chiếm đoạt tiền trong tài khoản ngân hàng của Ủy ban nhân dân xã. Sau khi đoàn thanh tra huyện V về làm việc thì phát hiện H lấy tiền của Ủy ban nhân dân xã hai lần, lần 1 vào ngày 09/10/2019 là 19.548.000 đồng, lần 2 vào ngày 03/11/2019 là 19.755.825 đồng. Sau khi sự việc bị phát hiện, ngày 05/8/2020 H đã nộp trả lại số tiền 39.303.825 đồng. Tại phiên tòa hôm nay tôi không yêu cầu bồi thường gì thêm, đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa người làm chứng Hoàng Văn Đ khai: Khi còn làm Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, tôi sử dụng tài khoản và mật khẩu được Viettel cấp để duyệt chi lương, phụ cấp cho cán bộ trong xã. Sau đó do tôi phải đi học và bản thân không có kiến thức về tin học nên đã giao lại tài khoản, mật khẩu đồng thời làm thủ tục chuyển đổi số điện thoại nhận mã OTP sang để T thực hiện việc duyệt chi trên phần mềm thay tôi, còn tôi chỉ duyệt bảng lương trên giấy. Khi thanh tra huyện về thanh tra thì phát hiện tài khoản của Ủy ban nhân dân xã chuyển tiền vào số tài khoản mang tên Nông Kim T vào ngày 09/10/2019 và 03/11/2019 với tổng số tiền 39.303.825 đồng. Sau đó đoàn thanh tra làm việc và xác định số tài khoản trên không phải là của T mà do Phạm Khánh H nhân viên của Viettel giả mạo để chiếm đoạt tiền, sau khi bị phát hiện ngày 08/5/2020 H đã nộp trả lại số tiền 39.303.825 đồng. Việc chị T cung cấp thông tin, mật khẩu, mã OTP cho H tôi không biết.

Tại phiên tòa người làm chứng Nông Kim T khai: Ngày 25/5/2019 Ủy ban nhân dân xã M ký hợp đồng với P để thực hiện chi trả lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức qua tài khoản ViettelPay, Phạm Khánh H là người hỗ trợ về mặt kỹ thuật, hàng tháng tôi có trách nhiệm lập danh sách cán bộ, công chức nhận lương rồi chuyển đến kho bạc nhà nước huyện để phê duyệt và chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của Ủy ban nhân dân xã. Bản thân tôi và ông Hoàng Văn Đ sẽ có tài khoản và mật khẩu để đăng nhập vào hệ thống, do phải đi học nên ông Đ có cung cấp tài khoản, mật khẩu để tôi thực hiện việc duyệt chi thay ông Đ. Do bản thân chưa hiểu hết về cách thức thực hiện nên tôi có gửi thông tin, mật khẩu tài khoản của tôi và của ông Đ cho H để nhờ thao tác hộ từ tháng 6 năm 2019 đến ngày 03/11/2019. Do bản thân tôi thiếu sót nên sau khi H nhập bảng lương lên hệ thống có lần tôi kiểm tra, có lần tôi không kiểm tra lại nên không phát hiện ra tài khoản H đã giả mạo. Khi đoàn thanh tra về thanh tra xã M thì mới phát hiện H chiếm đoạt tiền trong tài khoản của Ủy ban nhân dân xã hai lần vào ngày 09/10/2019 và 03/11/2019 với tổng số tiền 39.303.825 đồng. Việc tôi cung cấp thông tin, mật khẩu, mã OTP tài khoản của tôi và của ông Đ cho H tôi không nói cho ông Đ biết.

Tại phiên tòa người làm chứng Ngô Thượng K khai: Phạm Khánh H là nhân viên hợp đồng không xác định thời hạn của P, được giao nhiệm vụ hỗ trợ về kỹ thuật đối với Ủy ban nhân dân xã M trong việc chi trả lương cho cán bộ, công chức qua tài khoản ViettelPay. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, sau khi được thanh tra huyện V đề nghị xác minh, P xác định Phạm Khánh H là người đã làm giả hồ sơ mở tài khoản ViettelPay sau đó chiếm đoạt tiền trong tài khoản

của Ủy ban nhân dân xã M. Sau khi sự việc xảy ra, P đã yêu cầu H nộp tiền trả lại Ủy ban nhân dân xã M. Sự việc xảy ra P không bị thiệt hại gì.

Hợp đồng lao động số 0006 ngày 01/11/2009 giữa Phạm Khánh H và P thể hiện: Phạm Khánh H ký hợp đồng lao động không xác định thời hạn với P từ ngày 01/11/2009, nội dung công việc cụ thể do P phân công.

Kết luận thanh tra số 1452/KL-UBND ngày 23/6/2020 của Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn xác định: Phát hiện việc Phạm Khánh H là nhân viên của P giả mạo hồ sơ để đăng ký dịch vụ tài khoản ViettelPay và chiếm đoạt 39.303.825 đồng trong tài khoản của Ủy ban nhân dân xã M từ nguồn chi lương, các khoản phụ cấp cho cán bộ, công chức, cán bộ không chuyên trách.

Tài liệu sao kê ViettelPay cung cấp các giao dịch từ tài khoản tương ứng với số điện thoại 0345837xxx mang tên Nông Kim T do Phạm Khánh H lập, quản lý, sử dụng và số tài khoản tương ứng với số điện thoại 0982422xxx mang tên Phạm Khánh H phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra.

Kết quả thực nghiệm điều tra thể hiện: Phạm Khánh H thực hiện thành công việc tải, sao chép, sử dụng phần mềm chỉnh sửa số chứng minh nhân dân của Nông Kim T và tạo lập thành công tài khoản ViettelPay trên hệ thống.

Kết luận giám định số 184/GĐKTHS-P11 ngày 07/9/2020 của Phòng giám định kỹ thuật hình sự Bộ Quốc phòng kết luận: Hình chữ ký, chữ viết ghi họ tên Nông Kim T trên bản SCAN không phải do Nông Kim T ký, viết ra.

Tại Cáo trạng số 04/CT-VKSQSKV13 ngày 16/12/2020 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 13, truy tố Phạm Khánh H về tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 290 Bộ luật Hình sự (BLHS).

Tranh luận tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên nội dung quyết định truy tố đối với bị cáo theo cáo trạng số 04/CT-VKSQSKV13 ngày 16/12/2020 của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 13 và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đề nghị áp dụng đối với bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả” “Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” “Người bị hại hoặc đại diện hợp pháp của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo” quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 290; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38; khoản 1 Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo Phạm Khánh H từ 12 tháng đến 18 tháng tù.

Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Ghi nhận trước khi khởi tố vụ án bị cáo đã tự nguyện hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại với tổng số tiền 39.303.825 đồng.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS); Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về hình phạt bổ sung: Không đề nghị áp dụng do bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải nuôi hai con nhỏ, bị cáo là nhân viên không giữ chức vụ lãnh đạo, sau khi chấp hành xong hình phạt nếu tiếp tục làm công việc trên ít có khả năng tiếp tục phạm tội, đã hoàn trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt cho bị hại, không được hưởng lợi gì từ hành vi phạm tội mà có. Vì vậy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là “Phạt tiền, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề, hoặc làm công việc nhất định đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản đối với bị cáo”.

Bị cáo Phạm Khánh H nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại nhất trí với quan điểm của Kiểm sát viên, không có yêu cầu gì thêm, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Nói lời sau cùng, bị cáo thấy hành vi của mình là sai, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V, tỉnh Lạng Sơn; Cơ quan điều tra hình sự Khu vực 1 - Các Tổ chức sự nghiệp Bộ Quốc phòng, Điều tra viên; Viện kiểm sát quân sự Khu vực 13, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Như vậy, có cơ sở để khẳng định các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của đại diện hợp pháp của bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó HĐXX có đủ căn cứ kết luận: Do muốn chiếm đoạt tiền từ tài khoản tại ngân hàng của Ủy ban nhân dân xã M, huyện V, tỉnh Lạng Sơn để chi tiêu cá nhân nên Phạm Khánh H là nhân viên hợp đồng không xác định thời hạn của P được phân công nhiệm vụ hỗ trợ về kỹ thuật trong việc chi lương, phụ cấp cho cán bộ, công chức của Ủy ban nhân dân xã M thông qua phần mềm ViettelPay đã có hành vi sử dụng máy tính có kết nối internet của P và điện thoại di động cá nhân đăng nhập vào hệ thống quản lý khách hàng, làm giả hồ sơ mở tài khoản ViettelPay rồi thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền trong tài khoản số 051104435xxx tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội của Ủy ban nhân dân xã M 02 lần, cụ thể: Ngày 09/10/2019 chiếm đoạt 19.548.000 đồng và ngày 03/11/2019 chiếm đoạt 19.755.825 đồng. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt được là 39.303.825 đồng, toàn bộ số tiền có được bị cáo đã chi tiêu cá nhân hết. Hành vi

nêu trên của bị cáo Phạm Khánh H đủ yếu tố cấu thành tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản” theo điểm b khoản 2 Điều 290 BLHS. Do đó đề nghị của Viện kiểm sát quân sự Khu vực 13 là có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo 02 lần thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, cả 02 lần đều đủ yếu tố cấu thành tội phạm. Tuy nhiên tình tiết này là dấu hiệu định khung hình phạt, do đó bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: “Trước khi khởi tố vụ án bị cáo đã tự nguyện hoàn trả lại toàn bộ số tiền đã chiếm đoạt cho bị hại” trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải” được “Bị hại xin giảm nhẹ hình phạt” nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS;

Ngoài ra trong quá trình công tác bị cáo được tặng thưởng 03 danh hiệu lao động tiên tiến, hiện hai con còn nhỏ. Đây cũng là những tình tiết được HĐXX xem xét khi lượng hình.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, được thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, chế độ quản lý an ninh mạng và gây ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội. Xem xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, hậu quả của vụ án, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. HĐXX xét thấy, hành vi của bị cáo thể hiện ý thức coi thường pháp luật, mặc dù nhận thức rõ hành vi của mình là trái pháp luật nhưng bị cáo đã lợi dụng trình độ hiểu biết của mình, lợi dụng sự tin tưởng và hiểu biết còn hạn chế của người khác trong lĩnh vực công nghệ thông tin hai lần thực hiện hành vi phạm tội, số tiền chiếm đoạt tương đối lớn. Do đó cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo.

Tuy nhiên HĐXX thấy rằng, bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trước khi phạm tội có nhân thân tốt, sau khi bị phát hiện đã chủ động nộp lại số tiền chiếm đoạt nên xét thấy có đủ điều kiện để áp dụng khoản 1 Điều 54 BLHS quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đồng thời cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo người phạm tội và phòng ngừa chung.

Do bị cáo bị áp dụng hình phạt tù, đã hoàn trả lại toàn bộ số tiền chiếm đoạt, hiện có 02 con còn nhỏ nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Đối với hành vi làm giả hồ sơ để đăng ký sử dụng dịch vụ ViettelPay của Phạm Khánh H do sau khi làm giả, bị cáo là người trực tiếp phê duyệt các hồ sơ này, mục đích để sử dụng vào việc chiếm đoạt tài sản nên không xem xét, xử lý đối với bị cáo về hành vi này.

[5] Đối với hành vi thiếu trách nhiệm của Hoàng Văn Đ và Nông Kim T trong việc quản lý, sử dụng tài khoản chi lương thông qua hệ thống ViettelPay

để Phạm Khánh H lợi dụng chiếm đoạt tiền trong tài khoản của Ủy ban nhân dân xã M. Do số tiền bị chiếm đoạt dưới 100.000.000 đồng chưa cấu thành tội phạm theo quy định tại Điều 360 BLHS và Hoàng Văn Đ, Nông Kim T đã bị Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Lạng Sơn xử lý hành chính về hành vi này nên không xem xét giải quyết.

[6] Về bồi thường thiệt hại: Ghi nhận trước khi khởi tố vụ án, bị cáo Phạm Khánh H đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền 39.303.825 (ba mươi chín triệu ba trăm linh ba nghìn tám trăm hai mươi lăm) đồng đã chiếm đoạt cho bị hại theo Giấy nộp tiền lập hồi 13 giờ 45 phút ngày 08/5/2020.

[7] Về xử lý vật chứng: Ghi nhận trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra không tiến hành thu giữ đối với máy tính bị cáo dùng để làm giả hồ sơ đăng ký sử dụng dịch vụ ViettelPay và thực hiện các hành vi khác để chiếm đoạt tài sản do đây là tài sản của P, khi bị cáo dùng vào việc phạm tội P không biết và trong máy tính có chứa nhiều dữ liệu quan trọng là đúng quy định của pháp luật.

Đối với điện thoại bị cáo sử dụng vào việc chiếm đoạt tài sản nhưng sau khi sử dụng điện thoại đã bị hỏng nên bị cáo bỏ đi và các hồ sơ bị cáo làm giả để đăng ký mở tài khoản ViettelPay do Cơ quan điều tra không thu hồi được nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[8] Về án phí: Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; Luật phí và Lệ phí số 97/2015/QH13 của Quốc hội; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án bị cáo Phạm Khánh H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên, căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 260 BLTTHS;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về hình sự:

Tuyên bố bị cáo **Phạm Khánh H** phạm tội “Sử dụng mạng máy tính, mạng viễn thông, phương tiện điện tử thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 290; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo **Phạm Khánh H 12** (mười hai) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Về bồi thường thiệt hại:

Ghi nhận trước khi khởi tố vụ án, bị cáo Phạm Khánh H đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền 39.303.825 (ba mươi chín triệu ba trăm linh ba nghìn tám trăm hai mươi lăm) đồng đã chiếm đoạt cho bị hại theo Giấy nộp tiền lập hồi 13 giờ 45 phút ngày 08/5/2020.

3. Về án phí:

Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, bị cáo Phạm Khánh H phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (02/02/2021) bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án này lên Toà án quân sự Quân khu 1./.

Nơi nhận:

- Phòng GDKT/TAQSTW;
- Văn phòng/TAQSTW (Qlý. LLTP);
- VKSQSQK1;
- VKSQSKV13;
- PTHAQK1;
- CQTHAHSQK1;
- CQĐTHSKV1-TCSNBQP;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Hồ sơ vụ án (02b);
- Lưu: Hồ sơ THAHS; K13b.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Đại úy Nguyễn Trung Kiên